

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-ST

Ngày 19 – 11 – 2019

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương.

2. Ông Phạm Phước Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2019/TLST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2019/QĐXXST-DS ngày 21/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Hữu Th, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 02, Đình Tiên Hoàng, khóm 2, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th là ông Tạ Như H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 27, đường Quốc lộ 80, khóm H, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2017).

Bị đơn: Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1934

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông H có mặt, bà Ph vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Huỳnh Hữu Th là nguyên đơn có ông Tạ Như H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2010, ông Th cho bà Ph vay số tiền 120.000.000 đồng, không có biên nhận. Sau khi vay tiền, bà Ph không thực hiện trả tiền vốn và lãi theo thỏa thuận nên ông Th nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu buộc bà Ph trả lại cho ông số tiền 120.000.000 đồng.

Tại Tòa án, bà Ph đồng ý trả tiền nợ và có viết Giấy thỏa thuận đề ngày 02/3/2019 với nội dung bà Ph thừa nhận ông Th có cho bà vay số tiền 120.000.000 đồng, bà Ph đã trả cho ông 20.000.000 đồng. Ngày 02/3/2019, bà Ph tiếp tục trả cho ông Th 3.000.000 đồng, còn nợ lại 97.000.000 đồng tiền nợ gốc và không tính lãi suất về sau. Bà Ph đồng ý trả 97.000.000 đồng số tiền còn nợ lại, mỗi tháng bà sẽ trả cho ông Th 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Sau đó, bà Ph có trả tiếp cho ông Th được một lần là 3.000.000 đồng (không có biên nhận). Tổng cộng bà Ph đã trả cho ông Th 26.000.000 đồng, còn nợ lại 94.000.000 đồng đến nay bà Ph vẫn chưa trả.

Nay ông Huỳnh Hữu Th yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc bà Nguyễn Thị Ph trả cho ông số tiền 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ph: Đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng bà vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bên cạnh đó bà cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Giấy thỏa thuận đề ngày 02/3/2019 (Bản chính) với nội dung bà Ph thừa nhận có vay của ông Th số tiền 120.000.000 đồng, bà đã trả cho ông Th 20.000.000 đồng. Ngày 02/3/2019, bà Ph tiếp tục trả cho ông Th 3.000.000 đồng, còn nợ lại 97.000.000 đồng (không tính lãi suất). Bà Ph cam kết mỗi tháng sẽ trả cho ông Th 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Giấy thỏa thuận có chữ ký của bà Nguyễn Thị Ph.

Các tình tiết không phải chứng minh: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ph đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng bà Ph vẫn không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Huỳnh Hữu Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ph trả cho ông số tiền nợ còn lại là 94.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Như vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ

luật dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ngoài ra, do địa chỉ của bị đơn ở huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ph đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Ph.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông Huỳnh Hữu Th yêu cầu bà Nguyễn Thị Ph trả lại cho ông số tiền nợ còn lại là 94.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ông Th chứng minh bằng: Giấy thỏa thuận đề ngày 02/3/2019 (Bản chính).

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng bà Ph vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời bà Ph cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Như vậy, việc bà Nguyễn Thị Ph có vay của ông Huỳnh Hữu Th số tiền 120.000.000 đồng như đã nói trên là có thật. Sau khi vay tiền, bà Ph đã trả cho ông Th tổng cộng 26.000.000 đồng, còn nợ lại 94.000.000 đồng và cho đến nay bà Ph vẫn chưa trả được số tiền còn lại cho ông Th như đã thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông Th là có căn cứ, nên chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”* và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*

Về lãi suất: Đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu bà Ph trả số tiền nợ còn lại là 94.000.000 đồng cho ông Th, không yêu cầu tính lãi suất là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hữu Th.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ph có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 94.000.000 đồng x 5% = 4.700.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hữu Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Ph trả cho ông Huỳnh Hữu Th số tiền là 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ph có trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.700.000 đồng.

- Ông Huỳnh Hữu Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003268 ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng bà Nguyễn Thị Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Ngọc Minh

